

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



NGUYỄN VĂN PHÚC

**ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI
GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

QUẢNG TRỊ, NĂM 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Đoàn Đức Lương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
6. Những đóng góp mới của đề tài	4
7. Bố cục của luận văn.....	4
Chương 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG.....	5
1.1. Khái quát áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại trong hợp đồng	5
1.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật.....	5
1.1.2. Khái niệm áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng	6
1.1.3. Khái niệm áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng	7
1.2. Nội dung cơ bản áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng	7
1.2.1. Chủ thể áp dụng.....	7
1.2.1.1. Chủ thể áp dụng là trọng tài thương mại.....	7
1.2.1.2. Chủ thể áp dụng là Tòa án.....	8
1.2.2. Những vấn đề chung về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng	8
1.2.3. Những vấn đề cụ thể về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng	9
1.3. Pháp luật quốc tế về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng - những kinh nghiệm cho Việt Nam	9
1.3.1. Pháp luật quốc tế về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng	9
1.3.2. Kinh nghiệm cho Việt Nam trong vấn đề chọn luật áp dụng trong quan hệ hợp đồng	10
Tiểu kết Chương 1	10

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG.....11

2.1. Thực trạng pháp luật áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng.....11

2.1.1. Chủ thể áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng.....11

2.1.1.1. Chủ thể là trọng tài thương mại.....11

2.1.1.2. Chủ thể áp dụng là Tòa án.....11

2.1.2. Nội dung áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng.....11

2.1.2.1. Quy định chung về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng.....12

2.1.2.2. Quy định cụ thể về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng.....12

2.2. Thực tiễn áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng.....13

2.2.1. Thực tiễn và những vướng mắc trong áp dụng luật chung và luật chuyên ngành.....13

2.2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong áp dụng quy định cụ thể của Bộ luật dân sự và Luật thương mại.....14

Tiểu kết Chương 2.....15

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG.....16

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng.....16

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và LTM trong HĐ theo pháp luật Việt Nam phải phù hợp với chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.....16

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng phải đảm bảo được tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật.....16

3.1.3. Đảm bảo sự thống nhất trong thực thi pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp hợp đồng.....	17
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại trong giải quyết các tranh chấp hợp đồng.....	17
3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật	17
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại	18
Tiểu kết Chương 3	19
KẾT LUẬN	20
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	22

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	: Bộ Luật dân sự
BLTTDS	: Bộ Luật tố tụng dân sự
LTM	: Luật Thương mại
HĐ	: Hợp đồng
VBQP	: Văn bản quy phạm pháp luật

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở Việt Nam, quan hệ hợp đồng thương mại nói chung được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản quy phạm khác nhau đó tạo nên cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động thương mại nói chung được thực hiện trên cơ sở quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các bên tham gia mà nhà nước cho phép.

Với tính chất là một đạo luật quan trọng, BLDS năm 2015 đã xác định một cách nhất quán tư tưởng chỉ đạo của các nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 3 và khẳng định: “Bộ luật này là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự”. Với nguyên tắc này, BLDS sẽ điều chỉnh toàn bộ các quan hệ tài sản giữa các chủ thể trong xã hội mang tính chất hàng hóa – tiền tệ và các quan hệ nhân thân phi vật chất, trong đó các chủ thể tham gia bình đẳng về mặt pháp lý, tự chịu trách nhiệm về tài sản. Hay nói cách khác, BLDS sẽ điều chỉnh tất cả những vấn đề thuộc “pháp luật dân sự”, tức là những ứng xử, quan hệ được điều chỉnh bởi luật khác nhưng thuộc trong lĩnh vực “pháp luật dân sự”.

BLDS năm 2005 không quy định cụ thể xử lý mối quan hệ giữa BLDS và các luật chuyên ngành. Do đó, trong thực tế, đã phát sinh vướng mắc về việc ADPL khi các quy định của BLDS 2005 khác với quy định của các luật chuyên ngành.

Đối với các quan hệ có cùng bản chất pháp lý, luật chuyên ngành có thể khác với BLDS do đặc thù của quan hệ chuyên ngành nhưng không được trái với các nguyên tắc chung của luật dân sự. Một số quy định của BLDS như quy định về tư cách pháp nhân, về sở hữu chung hợp nhất, sở hữu chung theo phần, những quy định mang tính xác định một khái niệm pháp lý... có ý nghĩa, giá trị pháp lý chung cho toàn bộ hệ thống pháp luật. Không thể có pháp nhân riêng cho luật dân sự, riêng cho luật thương mại, luật hợp tác xã, mặc dù các loại hình công ty và hợp tác xã có quy chế riêng về việc thành lập, hoạt động, giải thể. Do đó tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu luận văn: “*Áp dụng Bộ luật dân sự và Luật thương mại giải quyết các tranh chấp hợp đồng*”.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay đã có rất nhiều nhà nghiên cứu cũng như các tác giả khác nhau thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học về vấn đề

liên quan đến áp dụng BLDS và LTM trong HĐ thương mại. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu có thể kể đến như:

Dương Quỳnh Hoa (2017), *Áp dụng pháp luật trong BLDS năm 2015*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp điện tử.

Phạm Thị Hồng Đào (2017), “*Áp dụng pháp luật dân sự – dưới góc nhìn thực tiễn*”.

Đoàn Đức Lương, Dương Quỳnh Hoa (2019), *Bình luận khoa học chế định HĐ trong BLDS năm 2015*, Trường Đại học Luật, Đại học Huế và Viện Nhà nước và Pháp luật.

Trần Văn Biên (2018), *Hoàn thiện các quy định của LTM năm 2015 để đảm bảo sự thống nhất với Bộ luật Dân sự 2015*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật.

Nguyễn Đức Kiên (2018), *Hoàn thiện quy định của pháp luật về HĐ thương mại ở Việt Nam*. Tạp chí nghiên cứu lập pháp online số tháng 9/2018.

Luận văn kế thừa một số kết quả nghiên cứu sau:

(i) Một số vấn đề lý luận như khái niệm áp dụng pháp luật, nguyên tắc áp dụng pháp luật;

(ii) Một số nội dung quy định của pháp luật Việt Nam về áp dụng luật chung và các luật chuyên ngành;

(iii) Một số thực tiễn thực hiện pháp luật về áp dụng pháp luật về HĐ.

Đồng thời, luận văn tiếp tục nghiên cứu, làm rõ các quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa BLDS với luật khác, thời điểm áp dụng BLDS, lựa chọn luật để giải quyết tranh chấp,... từ đó chỉ ra các hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong việc lựa chọn áp dụng pháp luật trong HĐ dân sự và thương mại.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả trong áp dụng BLDS hay LTM để giải quyết tranh chấp hợp đồng trên cơ sở hệ thống về lý luận pháp luật, đánh giá các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu, tác giả đề ra một số nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận mới về áp dụng pháp luật, áp dụng luật chung và các luật cụ thể (chuyên ngành);

- Phân tích và đánh giá nội dung quy định của BLDS và LTM bao gồm những nội dung điều chỉnh về HĐ, nguyên tắc áp dụng pháp luật;

- Đánh giá thực tiễn về áp dụng BLDS và LTM trong HĐ .

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu đề tài

Thứ nhất, nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản về chọn luật áp dụng trong HĐ thương mại;

Thứ hai, nghiên cứu các văn bản pháp luật như BLDS năm 2015, LTM năm 2005 để chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa Luật chung và Luật cụ thể về HĐ, làm rõ các nguyên tắc áp dụng pháp luật;

Thứ ba, nghiên cứu thực tiễn áp dụng trong quan hệ HĐ thông qua tình hình thực tiễn tìm hiểu được.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Về không gian nghiên cứu: Áp dụng BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 trong các HĐ thương mại ở Việt Nam. Không nghiên cứu trường hợp một bên chủ thể không phải thương nhân nhưng chọn LTM áp dụng.

Về địa bàn nghiên cứu: Nghiên cứu các quy định pháp luật về áp dụng BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 trên phạm vi cả nước.

Về thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu các quy định pháp luật về chọn BLDS và LTM áp dụng trong HĐ theo pháp luật Việt Nam từ năm 2017 đến năm 2020.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên quan điểm của Chủ nghĩa mác Lê Nin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử đặt các sự vật hiện tượng trong môi liên hệ nhất định, do đó những vấn đề tranh chấp hợp đồng cũng cần xem xét áp dụng pháp luật trong mối quan hệ đó; dựa trên quan điểm xây dựng hệ thống pháp luật “tu” để cho các chủ thể thực hiện quyền tự định đoạt và áp dụng giải quyết tranh chấp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phương pháp phân tích văn bản và phân tích quy phạm được sử dụng xuyên suốt trong cả nội

dung đề tài. Thông qua phân tích để chỉ ra những ưu điểm và những hạn chế quy định của pháp luật, từ đó làm cơ sở rút ra những nhận định;

- Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh các quy định pháp luật về áp dụng BLDS năm 2015 và LTM năm 2005, so sánh chỉ ra những quy định của BLDS và LTM điều chỉnh về HĐ;

- Phương pháp diễn giải, phương pháp quy nạp được sử dụng để thể hiện diễn giải quan điểm của mình hoặc nhận định các vấn đề trong các quy định và thực tiễn áp dụng BLDS và LTM trong các HĐ.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Thông qua việc nghiên cứu tình hình chọn luật áp dụng trong các HĐ để đưa ra những nhận định phù hợp về tổng quan tình hình vấn đề chọn BLDS và LTM khi giao kết HĐ thương mại, làm nền tảng vững chắc, khoa học cho các đề xuất hoàn thiện pháp luật cũng như các định hướng nâng cao hiệu quả thực thi hoạt động này trên thực tế.

6. Những đóng góp mới của đề tài

- Lý luận: Luận văn làm rõ một số khái niệm áp dụng pháp luật và áp dụng BLDS và LTM trong giải quyết tranh chấp hợp đồng, khung pháp luật, đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và LTM để hoàn thiện các quy định hiện hành và hướng dẫn thi hành cụ thể hơn.

- Thực tiễn: Luận văn chỉ ra những ưu điểm của BLDS 2015 về nguyên tắc áp dụng luật chung và luật chuyên ngành, những vướng mắc trong áp dụng luật chung và luật chuyên ngành có giá trị tham khảo cho Tòa án, trọng tài khi giải quyết tranh chấp hợp đồng.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bố cục đề tài khóa luận bao gồm:

Chương 1. Một số những vấn đề lý luận về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Chương 3. Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

1.1. Khái quát áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại trong hợp đồng

1.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật

Về phương diện pháp lý thì *áp dụng pháp luật* là một khái niệm được sử dụng nhiều trong các công trình nghiên cứu. Theo tác giả Nguyễn Thị Hồi thì áp dụng pháp luật được hiểu “là một hoạt động có tính tổ chức, quyền lực nhà nước, do các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật hiện hành vào những trường hợp cụ thể đối với cá nhân, tổ chức cụ thể”¹. Một tác giả khác cũng đã định nghĩa về áp dụng pháp luật. Theo đó, “Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện các quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật, để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể”².

Như vậy, nguyên tắc chung nhất là hành vi xảy ra ở thời điểm nào thì áp dụng pháp luật ở thời điểm đó để giải quyết. Chỉ áp dụng cho hành vi xảy ra trước, còn gọi là “hồi tố”, nếu có văn bản pháp luật quy định việc hồi tố (quy định ngay trong văn bản đó hoặc văn bản khác).

Quy định khác nhau về cùng một vấn đề

Cùng một cơ quan ban hành mà quy định khác nhau

Trường hợp quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn

Cụ thể: Hiến pháp 2013 đã ghi nhận một cách gián tiếp hoạt động áp dụng pháp luật, theo đó “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”³. Tiếp đến tại BLDS năm 2015 cũng đã ghi nhận các quy định về áp dụng pháp luật bao gồm

¹ Nguyễn Thị Hồi (2009), *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư Pháp, Hà Nội, tr. 30.

² Nguyễn Quang Tuấn (2008), *Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận lịch sử Nhà nước và Pháp luật, Áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án dân sự của Tòa án Nhân dân Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*, tr.10

³ Điều 8, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013.

“Áp dụng Bộ luật dân sự, áp dụng tập quán, áp dụng quy định tương tự”⁴. Hoạt động thương mại đặc thù được quy định trong luật khác thì áp dụng quy định của luật đó. Hoạt động thương mại không được quy định trong LTM và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự.⁵ Các bên trong giao dịch thương mại có yếu tố nước ngoài được thoả thuận áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế nếu pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.⁶

Từ các quan điểm trên, có thể rút ra kết luận rằng: *Việc áp dụng pháp luật là một trong những bước quan trọng đưa các quy định pháp luật từ lý thuyết đi vào thực tế, hoạt động áp dụng pháp luật thực chất là quá trình hiện thực hóa các quy định pháp luật vào đời sống sinh hoạt hằng ngày. Hoạt động này diễn ra bằng các hành vi pháp luật của các chủ thể có thẩm quyền, theo cơ chế chung hoặc riêng trong từng lĩnh vực mà điều chỉnh pháp luật cho phù hợp. Tính chất hoạt động này về cơ bản được xử sự dưới hai dạng chủ yếu, bao gồm: xử sự tích cực để chủ thể chủ động thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình hoặc là xử sự tiêu cực đối với chủ thể không tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước và các chủ thể khác.*

1.1.2. Khái niệm áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng

Thứ nhất, khái niệm tranh chấp hợp đồng thương mại

Thuật ngữ “tranh chấp”: theo từ điển Luật học Black (Black’s Law Dictionary) do West Pub Co xuất bản năm 1999 thì “tranh chấp được hiểu là sự mâu thuẫn, bất đồng; sự mâu thuẫn về các yêu cầu hay quyền; sự đòi hỏi về quyền, yêu cầu hay đòi hỏi từ một bên được đáp lại bởi một yêu cầu hay lập luận trái ngược của bên kia”. Theo Đại từ điển tiếng Việt⁷ thì tranh chấp được hiểu là: “bất đồng; làm hoặc thực hiện một vấn đề nào đó trái ngược nhau...; giành giật; giằng co nhau cái không rõ thuộc bên nào”. Tranh chấp hợp đồng là sự mâu thuẫn, bất đồng ý kiến giữa các bên tham gia quan hệ Hợp đồng liên quan đến việc thực hiện (hoặc không thực hiện) các quyền

⁴ Điều 4,5,6 Bộ luật dân sự 2015

⁵ Điều 4 LTM năm 2005.

⁶ Điều 5 LTM năm 2005.

⁷ Đại từ điển tiếng Việt (Chủ biên: Nguyễn Như Ý), Nxb, Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1999

và nghĩa vụ theo Hợp đồng. Khi tranh chấp hợp đồng thương mại có thể áp dụng các phương thức giải quyết:

Phương thức thương lượng, hòa giải

Phương thức giải quyết bởi Trọng tài

Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tại Tòa án

Như vậy, tranh chấp hợp đồng thương mại là những xung đột, bất đồng giữa các chủ thể trong hợp đồng thương mại về các quyền và nghĩa vụ được xác lập. Tranh chấp hợp đồng thương mại, cách chủ thể có thể lựa chọn nhiều phương thức giải quyết khác nhau như thương lượng, hòa giải, trọng tài hoặc tòa án.

Thứ hai, áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại

1.1.3. Khái niệm áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

Tại thời điểm hiện nay, pháp luật Việt Nam duy trì sự khác biệt cơ bản giữa HĐ dân sự và HĐ thương mại. Trong đó, HĐ dân sự được điều chỉnh chủ yếu bởi BLDS năm 2015 và HĐ thương mại được điều chỉnh chủ yếu bởi LTM năm 2005. Tuy nhiên, sự phân biệt như vậy chỉ mang tính chất tương đối. Bởi, ngay cả khi một HĐ được xác định là HĐ dân sự hay HĐ thương mại đều có thể chịu sự điều chỉnh cụ thể và riêng biệt bởi các văn bản pháp luật chuyên ngành, nhất là trong lĩnh vực đặc thù như lao động, xây dựng, ngân hàng,...

Từ những tiếp cận trên, có thể đưa ra khái niệm về áp dụng BLDS và Luật thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng là việc tổ chức hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lựa chọn áp dụng các quy phạm được quy định trong BLDS (là luật chung) và Luật Thương mại (luật chuyên ngành) trên cơ sở các nguyên tắc áp dụng được pháp luật quy định để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng giữa các chủ thể và đưa ra các phán quyết.

1.2. Nội dung cơ bản áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng

1.2.1. Chủ thể áp dụng

1.2.1.1. Chủ thể áp dụng là trọng tài thương mại

Đặc trưng của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại là thẩm quyền giải quyết tranh chấp vụ việc của trọng tài cụ thể được xác lập trên cơ sở và trong phạm vi thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, thẩm quyền vụ việc mà các bên trao cho trọng tài

cũng không được vượt quá thẩm quyền chung của trọng tài theo luật định tại Luật trọng tài 2010.

1.2.1.2. Chủ thể áp dụng là Tòa án

Chủ thể áp dụng là Tòa án dựa theo thẩm quyền để phân định thẩm quyền Tòa án với các cơ quan, tổ chức khác.

Theo quy định tại Điều 30 BLTTDS năm 2015 thì những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc **thẩm quyền giải quyết của tòa án** đã được sửa đổi bổ sung nhằm làm rõ các tranh chấp về kinh doanh thương mại phù hợp với Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp..., phân biệt giữa tranh chấp thương mại với tranh chấp dân sự.

Thẩm quyền theo cấp xét xử của tòa án

Thẩm quyền theo cấp xét xử của tòa án là giới hạn do pháp luật quy định để tòa án các cấp thực hiện chức năng giải quyết các **tranh chấp thương mại**. Thông thường thẩm quyền của tòa án các cấp được phân chia căn cứ vào giá trị tranh chấp, tính chất của sự việc và khả năng, điều kiện của từng cấp tòa án.

Thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ

Thẩm quyền của tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong những trường hợp này, Điều 40 Thẩm quyền của tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu BLTTDS quy định có thể xác định thẩm quyền của tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

1.2.2. Những vấn đề chung về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

Thứ nhất, nguyên tắc áp dụng luật chuyên ngành.

Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất về áp dụng luật, đó là luật riêng được áp dụng, còn luật chung chỉ áp dụng khi luật riêng không có quy định hay còn gọi là luật cụ thể loại trừ luật chung.

Thứ hai, khi LTM không có quy định thì các chủ thể sẽ chọn BLDS để áp dụng

Trên cơ sở quy định của pháp luật, áp dụng BLDS hay LTM để giải quyết tranh chấp hợp đồng dựa trên cơ sở nguyên tắc sau:

Một là, nếu quy định của LTM năm 2005 trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 3 của BLDS năm 2015, quy định của LTM năm 2005 sẽ không áp dụng và quy định của BLDS năm 2015 sẽ áp dụng;

Hai là, nếu quy định của LTM 2005 không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 3 của BLDS năm 2015, quy định của LTM năm 2005 sẽ áp dụng và quy định của BLDS năm 2015 sẽ không áp dụng;

Ba là, nếu LTM 2005 không quy định về một vấn đề mà vấn đề đó được quy định trong BLDS năm 2015 thì BLDS năm 2015 sẽ áp dụng.

1.2.3. Những vấn đề cụ thể về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

Những vấn đề cụ thể là những quy định mà BLDS và LTM đều có quy định nhưng nội dung điều chỉnh của hai văn bản này khác nhau. Khi tranh chấp hợp đồng phát sinh áp dụng văn bản pháp luật nào để giải quyết. Vì vậy, chọn luật áp dụng sẽ dẫn đến những hậu quả pháp lý khác nhau:

- Phạt vi phạm hợp đồng: Trong hai văn bản luật đều có quy định phạt vi phạm nhưng giới hạn khác nhau.

- Thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng: BLDS quy định thời hiệu, không áp dụng thời hiệu, bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. LTM quy định thời hiệu khởi kiện khác BLDS.

1.3. Pháp luật quốc tế về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng - những kinh nghiệm cho Việt Nam

1.3.1. Pháp luật quốc tế về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

Luật Tư pháp quốc tế của Bỉ ngày 16/7/2004 (Law of 16 July 2004 holding the Code of Private International Law) tại Điều 7 “Exclusion of international jurisdiction by agreement” quy định: “Đối với những vấn đề mà các bên có quyền tự định đoạt theo pháp luật Bỉ, khi các bên thỏa thuận hợp pháp chọn Tòa án nước ngoài để giải quyết tranh chấp đã phát sinh hoặc sẽ phát sinh liên quan đến một quan hệ pháp lý, và khi Tòa án Bỉ được yêu cầu thì Tòa án Bỉ không được quyền giải quyết trừ trường hợp thấy rằng bản án của Tòa án nước ngoài không thể được thừa nhận hay không thể được thi hành ở Bỉ”. Luật Liên bang Thụy Sĩ ngày 18/12/1987 (Switzerland’s Federal Code on Private International Law - CPIL) tại khoản 1 Điều 2 (Choice of Court) quy định: “Các bên tham gia tranh chấp có thể thỏa thuận lựa

chọn một tòa án giải quyết tranh chấp đã phát sinh hoặc sẽ phát sinh trong tương lai từ một quan hệ pháp lý cụ thể.

Pháp luật của Cộng hòa Pháp không có văn bản nào quy định cụ thể vấn đề thỏa thuận chọn Tòa án nước ngoài đối với những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Pháp. Tóm lại, các quốc gia có thể tự do thỏa thuận lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp nhưng “tự do trong khuôn khổ của pháp luật”, mọi thỏa thuận của các bên chủ thể HĐ, trong đó bao hàm việc chọn luật áp dụng vẫn phải nằm trong phạm vi mà pháp luật cho phép.

1.3.2. Kinh nghiệm cho Việt Nam trong vấn đề chọn luật áp dụng trong quan hệ hợp đồng

Đối với pháp luật Việt Nam, hiện nay những quy định liên quan đến việc lựa chọn luật áp dụng trong HĐ còn khá mỏng và rải rác ở nhiều văn bản khác nhau, các quy định này chưa thực sự được quan tâm và những điều chỉnh về vấn đề này chỉ mang tính chất khái quát nói chung. Điều này kéo theo các hệ quả pháp lý về xung đột giữa việc lựa chọn luật áp dụng trong quan hệ HĐ. Như vậy, so với các quốc gia trên thế giới Việt Nam vẫn chưa đạt được sự điều chỉnh hiệu quả bằng pháp luật đối với việc chọn luật áp dụng trong HĐ bởi vẫn còn những xung đột chưa giải quyết được giữa luật chung và luật chuyên ngành, điển hình là BLDS 2015 và LTM năm 2005 về vấn đề HĐ.

Tiểu kết Chương 1

Với chương 1, tác giả đã tập trung nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích nội hàm những thuật ngữ, khái niệm cơ bản về áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp HĐ; làm rõ được khái niệm áp dụng pháp luật là gì, HĐ là gì và đưa ra các đặc trưng cơ bản từ các khái niệm nêu trên. Bên cạnh đó tiểu luận còn phân tích hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế với những điều chỉnh pháp lý hướng đến việc áp dụng pháp luật trong HĐ. Từ những phân tích này đưa lại những đòi hỏi phải thay đổi pháp luật quốc gia dựa trên sự học hỏi một cách có chọn lọc pháp luật quốc tế

Với những kết quả này, luận văn đã xác định được cơ sở lý luận để phân tích, đánh giá làm rõ những kết quả và hạn chế của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng BLDS và LTM giải quyết tranh chấp HĐ ở những chương sau của luận văn.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG
BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI GIẢI
QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

2.1. Thực trạng pháp luật áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

2.1.1. Chủ thể áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

2.1.1.1. Chủ thể là trọng tài thương mại

Thứ nhất, đối với loại “tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại”

Các bên tranh chấp đó đều phải là các chủ thể tiến hành hoạt động thương mại. Luật trọng tài thương mại 2010 không định nghĩa khái niệm hoạt động thương mại, mà sử dụng khái niệm hoạt động thương mại tại Khoản 1 Điều 3 Luật thương mại 2005.

Thứ hai, Trọng tài thương mại có thẩm quyền giải quyết các “tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”.

Quy định này mở rộng phạm vi thẩm quyền của trọng tài. Trước đây, theo quy định của Pháp lệnh Trọng tài thương mại 2003, trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh, nên trong thực tế các tranh chấp giữa một bên là thương nhân và bên kia không phải là thương nhân đã không được trọng tài giải quyết theo quy định của Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003.

2.1.1.2. Chủ thể áp dụng là Tòa án

Tòa án nhân dân được xác định là chủ thể áp dụng pháp luật. Tòa án nhân dân được tổ chức theo cấp xét xử bao gồm: xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm. Xác định chủ thể áp dụng BLDS và LTM trong giải quyết tranh chấp hợp đồng dựa vào thẩm quyền.

Thẩm quyền chung:

Một là, các tranh chấp này phát sinh từ hoạt động KDTM phải có mục đích lợi nhuận.

Hai là, các tranh chấp phát sinh giữa các cá nhân, tổ chức với nhau đồng thời các cá nhân, tổ chức phải là có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Nội dung áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại

giải quyết tranh chấp hợp đồng

2.1.2.1. Quy định chung về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

Nhìn nhận từ góc độ Luật chung (BLDS năm 2015), tại Điều 4 đã thiết lập nguyên tắc chung thống nhất cho việc áp dụng BLDS. Theo đó ghi nhận⁸: “BLDS là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng.” Cùng điều chỉnh về vấn đề này, việc áp dụng LTM và pháp luật có liên quan được thực hiện theo nguyên tắc cụ thể là⁹: “Hoạt động thương mại phải tuân theo LTM và pháp luật có liên quan. Hoạt động thương mại đặc thù được quy định trong luật khác thì áp dụng quy định của luật đó. Hoạt động thương mại không được quy định trong LTM và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự.”

2.1.2.2. Quy định cụ thể về áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

Thứ nhất, trường hợp có sự khác biệt giữa BLDS và LTM thì ưu tiên áp dụng LTM.

Một là, các quy định thuộc trường hợp (ii) trong quy định về phạt vi phạm, quy định về quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, quy định về quyền và hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ HĐ và quy định về thời hiệu khởi kiện và quy định về chủ thể HĐ..

Hai là, đối với quy định về quyền và hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ HĐ, trường hợp có vi phạm nghiêm trọng (Khoản 2 Điều 423 BLDS năm 2015, là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết HĐ) hoặc vi phạm cơ bản (Khoản 13 Điều 3 LTM năm 2005, là sự vi phạm HĐ của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết HĐ) thì bên bị vi phạm có quyền hủy bỏ HĐ.

Ba là, về thời hiệu khởi kiện. Theo Điều 429 BLDS năm 2015, “thời hiệu khởi kiện là 3 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết

⁸ Khoản 1, 2, 3 Điều 4 BLDS năm 2015.

⁹ Điều 4 LTM năm 2005.

hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Trong khi đó, Điều 319 LTM năm 2005 quy định “*thời hiệu khởi kiện là 2 năm “kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm”.*

Thứ hai, trường hợp Luật thương mại không quy định thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự

Một là, quy định về thực hiện HĐ khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, quy định về các trường hợp HĐ bị vô hiệu, không có hiệu lực hoặc không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, quy định về vấn đề đại diện, quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài trong quan hệ HĐ có yếu tố nước ngoài.

Hai là, đối với quy định về các trường hợp HĐ vô hiệu, không có hiệu lực hoặc không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ được quy định trong BLDS năm 2015.

Ba là, về vấn đề đại diện, đây cũng là một trong những vấn đề quan trọng của pháp luật về HĐ. Mặc dù LTM năm 2005 có quy định một số trường hợp đại diện cụ thể (như văn phòng đại diện của pháp nhân hoặc hoạt động đại diện cho thương nhân), nhưng lại không có các quy định cơ bản điều chỉnh quan hệ đại diện giữa bên giao đại diện và bên đại diện như trong BLDS năm 2015 (như căn cứ xác lập quyền đại diện, các trường hợp đại diện, phạm vi và thời hạn đại diện, và hậu quả pháp lý của hành vi do người đại diện và người không có quyền đại diện xác lập và thực hiện).

Bốn là, về nội dung bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ, các bên thường thỏa thuận về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐ.

Năm là, về nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài trong quan hệ HĐ có yếu tố nước ngoài.

2.2. Thực tiễn áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại để giải quyết tranh chấp hợp đồng

2.2.1. Thực tiễn và những vướng mắc trong áp dụng luật chung và luật chuyên ngành

Vướng mắc trong việc áp dụng Luật chung và luật chuyên ngành

Từ thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại tại tòa án có thể rút ra những vướng mắc chủ yếu hiện nay mà tòa án nhân dân các cấp gặp phải trong việc áp dụng pháp luật, đó là, còn lúng túng trong việc áp dụng quy định của BLDS năm 2015 và các luật chuyên ngành khi giải

quyết vụ án kinh doanh, thương mại, nhất là quy định của LTM năm 2005.

2.2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong áp dụng quy định cụ thể của Bộ luật dân sự và Luật thương mại

Một là, về phạt vi phạm hợp đồng thương mại

Nội dung vụ việc: Năm 2017, Công ty S (Nguyên đơn - Bên bán) ký hợp đồng bán cho ông C (Bị đơn - Bên mua) một máy thêu. Trong hợp đồng, các Bên thỏa thuận nếu Bên nào thực hiện không đúng các điều khoản của hợp đồng thì bên vi phạm sẽ phải bồi thường 10% giá trị hợp đồng cho Bên kia. Khi giải quyết tranh chấp, Hội đồng Trọng tài xác định đây là thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng và chỉ chấp nhận mức phạt bằng 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm.

Hai là, về thời hiệu khởi kiện hợp đồng thương mại

Thời hiệu khởi kiện như đã ohaan tích ở mục 2.1 việc áp dụng xem xét dựa trên cơ sở quy định của BLDS và LTM. Thực tiễn áp dụng còn những cách hiểu khác nhau.

Nội dung tranh chấp: Công ty V (Nguyên đơn) và Công ty H (Bị đơn) đã giao kết hợp đồng dịch vụ pháp lý trong đó có nội dung đặt cọc. Sau đó, các bên có tranh chấp và Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn trong đó có yêu cầu Bị đơn hoàn trả tiền cọc sau nhiều lần yêu cầu hoàn trả bất thành. Hội đồng Trọng tài xác định việc giải quyết vụ tranh chấp không ảnh hưởng bởi thời hiệu khởi kiện 2 năm.

Tiểu kết Chương 2

Trên cơ sở các tiếp cận mang tính nền tảng ở chương 1 về bản chất hoạt động áp dụng pháp luật và các cơ chế áp dụng BLDS năm 2015 và LTM năm 2005, ở chương 2 tác giả tập trung tiếp cận cụ thể chế định pháp lý về vấn đề chọn luật áp dụng trong quan hệ HD giữa các chủ thể trong hoạt động kinh doanh thương mại. Thông qua việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn chọn luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp HD của cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, nhận ra sự hạn chế, vướng mắc trên thực tế trong thi hành pháp luật về vấn đề này. Mặc dù đã tồn tại các nguyên tắc nhằm vận hành thống nhất các cơ chế chọn luật áp dụng, là BLDS năm 2015 hay LTM năm 2005, nhưng những xung đột trong cách thức điều chỉnh, sự sửa đổi pháp luật khiến cho việc áp dụng các nguyên tắc chọn luật vào thực tiễn trong một số trường hợp còn thiếu thống nhất. Các hạn chế trên thực tế được tác giả tìm hiểu, đánh giá và tiếp thu, là tiền đề cho những định hướng, đề xuất hoàn thiện pháp luật cũng như đặt ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chọn BLDS năm 2015 và LTM năm 2005 vào giải quyết tranh chấp sẽ được trình bày ở Chương 3 của Luận văn.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT THƯƠNG MẠI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng

Những thách thức, khó khăn trong việc chọn luật áp dụng trong HĐ của chủ thể giao kết HĐ và các cơ quan giải quyết tranh chấp HĐ đã đặt ra những đòi hỏi về sự đổi mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam về chọn luật áp dụng trong HĐ, tạo ra sự tích nghi đối với các chế định pháp lý quốc tế, đồng thời cũng thông qua những chuyển biến tích cực này, vận dụng vào thực tế trong quá trình giao kết HĐ nhằm đạt được hiệu quả tốt hơn. Để được như vậy, Việt Nam cần có những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và LTM trong HĐ theo hướng như sau:

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và LTM trong HĐ theo pháp luật Việt Nam phải phù hợp với chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước

Nghiên cứu về lý luận Nhà nước và Pháp luật, Đảng là tổ chức đại diện cho giai cấp cầm quyền của quốc gia. Mà chế độ chính trị của quốc gia do giai cấp cầm quyền quyết định, bên cạnh đó, pháp luật là công cụ để cho giai cấp này thực hiện quyền lực Nhà nước của mình nên mọi hệ thống pháp luật đều phải phù hợp với sự định hướng của Đảng. Hiến pháp 2013 quy định: “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức*”; “*Quyền lực nhà nước là thống nhất*”. Chính vì vậy, pháp luật của Nhà nước ta phải phù hợp chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng phải đảm bảo được tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

Thực tiễn thi hành pháp luật đã chứng minh tính hạn chế của pháp luật trong vấn đề chọn luật áp dụng giữa BLDS và LTM giải quyết tranh chấp hợp đồng theo pháp luật Việt Nam. Áp dụng BLDS

và LTM phải được xây dựng trên cơ sở quy định một cách rõ ràng. Phải tạo ra tính thống nhất trong cơ chế điều chỉnh của LTM năm 2005 và quy định của BLDS năm 2015. Phải có những quy định cụ thể hơn về quyền tự do hợp đồng. Sự đổi mới pháp luật gắn với yêu cầu hoàn thiện, hệ thống hóa là vô cùng cần thiết. Phải hướng đến tạo ra hiệu quả từ việc thiết lập các quy định của pháp luật đến quá trình thực thi các quy định đó trên thực tế, đảm bảo việc có luật áp dụng trong hợp đồng đạt được hiệu quả cao.

3.1.3. Đảm bảo sự thống nhất trong thực thi pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp hợp đồng

Trên thực tế, khi tiến hành đánh giá tính hiệu quả của việc thực thi pháp luật, vấn đề luôn được nhìn nhận thông qua 3 yếu tố cơ bản gồm: i) Tính hoàn thiện, hiệu quả của hệ thống pháp lý, ii) Năng lực, trình độ thực thi nhiệm vụ của cơ quan nhà nước được trao quyền và iii) Nhận thức của chủ thể chịu tác động bởi quy định pháp luật đó. Chiếu vào quan hệ hợp đồng thương mại giữa các chủ thể, điều này vẫn hoàn toàn chính xác.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại trong giải quyết các tranh chấp hợp đồng

3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật

Việc hoàn thiện LTM cần tiến hành trên cơ sở thay đổi các chế định sau:

Một là, khắc phục sự chông chéo giữa LTM 2005 và Bộ luật Dân sự 2015.

Để khắc phục hạn chế này, nên thay đổi tho hướng LTM sẽ chỉ tập trung các quy định về các hoạt động thương mại mang tính đặc thù.

Hai là, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật không phù hợp, chưa rõ ràng, đáp ứng kịp thời sự phát triển của hoạt động thương mại và đảm bảo sự tương thích của LTM với các văn bản pháp LTM. Cụ thể:

(i) Mở rộng, quy định rõ ràng hơn về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của LTM 2005.

Sửa đổi lại khái niệm về thương nhân.

Bên cạnh đó, việc yêu cầu thương nhân phải có đăng ký kinh doanh cũng không phù hợp với quy định pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam là một trong số ít quốc gia còn nhận diện

thương nhân theo phương thức quản lý nhà nước đối với chủ thể này, thay vì chỉ nhận diện dựa trên bản chất thương mại của thương nhân..

Không chỉ thế, mặc dù coi “có đăng ký kinh doanh” là một trong những dấu hiệu nhận diện thương nhân, nhưng ngay tại Điều 7 LTM 2005 lại quy định: “*Thương nhân có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp chưa đăng ký kinh doanh, thương nhân vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật*”.

Ba là, quy định cụ thể hơn về chế tài thương mại.

Bốn là, về hình thức bắt buộc của hợp đồng .

Năm là, quy định lại căn cứ xác định việc bồi thường thiệt hại.

Sáu là, quy định lại về vấn đề nghĩa vụ thanh toán trong HĐ.

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật dân sự và Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại

Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và LTM trong HĐ thương mại cần được chú trọng tiến hành bao gồm:

Thứ nhất, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người tiến hành giải quyết tranh chấp về HĐ thương mại trong vấn đề chọn luật áp dụng.

Thứ hai, nâng cao nhận thức về chọn áp dụng BLDS và LTM trong giao kết, thực hiện HĐ của các chủ thể giao kết.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về lựa chọn áp dụng BLDS và LTM trong quan hệ HĐ cũng như thực tiễn thi hành các quy định này trên thực tế, tác giả đã thẳng thắn nhìn nhận cụ thể vào các hạn chế pháp lý cũng như các hạn chế, vướng mắc khác ảnh hưởng đến hiệu quả chọn luật áp dụng vào HĐ trên thực tế. Đây là nền tảng vững chắc để tác giả định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chọn BLDS và LTM áp dụng trong HĐ tại Việt Nam. Các giải pháp pháp lý đưa ra theo hướng thống nhất toàn bộ hệ thống pháp luật theo chiều dọc, tạo ra sự đồng bộ trong cơ chế điều chỉnh của LTM năm 2005 so với BLDS năm 2015 đóng vai trò là nền tảng thiết yếu, cùng với việc nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho cơ quan nhà nước được trao quyền trong chọn áp dụng BLDS và LTM vào quan hệ HĐ cũng như quá trình nâng cao nhận thức của các chủ thể khi giao kết HĐ về quyền lựa chọn pháp luật sẽ tạo ra được tính hiệu quả, hợp lý trong thực thi chế định HĐ nói chung, HĐ thương mại nói riêng trên thực tế, tạo lập môi trường đảm bảo cho quá trình đầu tư, phát triển kinh tế đang được xúc tiến mạnh mẽ như hiện nay.

KẾT LUẬN

Đi cùng với sự phát triển của xã hội, chế định pháp lý về HĐ luôn là cơ chế thiết yếu thường xuyên diễn ra sự cập nhật, bổ sung cho hoàn thiện trên nguyên tắc tôn trọng cơ chế thỏa thuận, bình đẳng giữa các bên, hướng đến tạo ra những đảm bảo pháp lý ngày càng vững chắc cho quyền và lợi ích hợp pháp đối với các chủ thể trong quan hệ HĐ. Trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đó được môi trường thuận lợi để xúc tiến, đầu tư, các giao kết liên quan đến HĐ thương mại chính vì vậy cũng ngày càng nhiều lên. Giải quyết vấn đề cùng lúc được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp lý khác nhau, trong đó nổi lên là BLDS năm 2015 và LTM năm 2005, vấn đề lựa chọn pháp luật áp dụng đã được đặt ra. Thông qua Khóa luận, tác giả đã đi từ các tiếp cận về mặt lý luận cơ bản đến thực tiễn thi hành pháp luật về chọn BLDS và LTM áp dụng trong HĐ tại Việt Nam. Khóa luận đã làm rõ được khái niệm, những đặc trưng cơ bản về áp dụng pháp luật; làm rõ các tiếp cận khái quát về pháp luật đối với vấn đề chọn luật áp dụng tại Việt Nam. Đây là tiền đề để tác giả tiếp tục thực hiện việc tìm hiểu, nghiên cứu đánh giá về thực trạng pháp luật và tình hình thực thi pháp luật về chọn BLDS và LTM áp dụng trong HĐ trên thực tế. Với mong muốn tạo ra những đảm bảo pháp lý ngày càng vững chắc, hoàn thiện hơn trong bảo vệ quyền lợi của các chủ thể tham gia giao kết HĐ, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về về chọn BLDS và LTM áp dụng trong HĐ đã được tác giả tiếp cận và phân tích làm rõ. Kết hợp linh hoạt, đồng bộ các giải pháp đặt ra sẽ tạo ra động lực lớn trong đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật Việt Nam

nói chung, pháp luật về HĐ nói riêng. Nhìn nhận xa hơn, sẽ tạo ra những đảm bảo vững chắc cho hoạt động kinh doanh thương mại tại Việt Nam với những hỗ trợ tối đa cho quyền lợi của các chủ thể kinh doanh mà pháp luật đang hướng đến hoàn thiện./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- [1]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1995), Luật số 44-L/CTN, Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 28/10/1995.
- [2]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật số 36/2005/QH11, LTM, ban hành ngày 14/06/2005.
- [3]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật số 54/2010/QH12, Luật Trọng tài thương mại, ban hành ngày 17/6/2010.
- [4]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013, ban hành ngày 28/11/2013.
- [5]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Luật số 80/2015/QH13, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ban hành ngày 22/06/2015.
- [6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Luật số 91/2015/QH13, Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 24/11/2015.
- [7]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), Luật số 108/2016/QH13, Luật Điều ước Quốc tế, ban hành ngày 09/4/2016.
- [8]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), Nghị định số 39/2007/NĐ-CP về cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh, ban hành ngày 16/3/2007.
- [9]. Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao (2015), Nghị quyết 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ, ban hành ngày 28/10/2015.
- [10]. Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao (2019), Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ, ban hành ngày 18/6/2019.

B. CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[11]. Cao Thanh Huyền, Trường Đại học Luật Hà Nội, Một số giải pháp hoàn thiện LTM 2005 trong gia đoạn Việt Nam hiện nay.

[12]. Đỗ Văn Đại, Bình luận khoa học những điểm mới Bộ luật Dân sự 2015, Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam.

[13]. Phạm Thị Hồng Đào (2017), “Áp dụng pháp luật dân sự – dưới góc nhìn thực tiễn”

[14]. Phan Huy Hồng, Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí minh, Một số vấn đề cơ bản về áp dụng pháp luật đối với hoạt động thương mại.

[15]. Dương Quỳnh Hoa, Viện Nhà nước và Pháp luật, Áp dụng pháp luật trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

[16]. Đoàn Thị Ngọc Hải (2019), Tạp chí Tòa án điện tử, Chế định HĐ trong pháp luật dân sự.

[17]. Nguyễn Thị Hôi (2009), Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội.

[18]. Nguyễn Ngọc Khánh (2007), Chế định HĐ trong pháp luật Việt Nam, Nhà xuất bản Tư pháp.

[19]. Đoàn Đức Lương, Dương Quỳnh Hoa (2019), Trường Đại học Luật, Đại học Huế và Viện Nhà nước và Pháp luật, Bình luận khoa học chế định HĐ trong Bộ Luật Dân sự 2015.

[20]. Đoàn Đức Lương (2018), Tạp chí Kiểm sát, Chế định HĐ dân sự trong Bộ luật Dân sự 2015.

[21]. Vũ Văn Mẫu, Bộ Quốc Gia Giáo dục xuất bản 1961, Người soạn thảo chủ yếu của Bộ Dân luật Bắc Kỳ là một thẩm phán người Pháp, Chánh nhất tòa Thượng thẩm Morché, Dân Luật Khái Luận (tr. 314 - 315).

[22]. Vũ Văn Mẫu, Việt Nam Dân Luật lược Khảo - Quyển II: Nghĩa vụ và khế ước (tr. 250).

[23]. Nguyễn Hồng Trinh, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Nguyên tắc tự do chọn luật HĐ.

[24]. Nguyễn Quang Tuấn (2008), Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận lịch sử Nhà nước và Pháp luật, Áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án dân sự của Tòa án Nhân dân Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[25]. Nguyễn Đức Kiên (2018), Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Hoàn thiện quy định của pháp luật về HĐ thương mại ở Việt Nam.

[26]. Trần Kiên, Nguyễn Khắc Thu (2019), Khái niệm HĐ và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật HĐ Việt Nam, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210246>, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 2+3/2019.

[27]. Trần Văn Biên (2018), Viện Nhà nước và Pháp luật, Hoàn thiện các quy định của LTM năm 2005 để đảm bảo sự thống nhất với Bộ luật Dân sự 2015.

[28]. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2013), Từ điển Tiếng Việt.